NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

PHÓ TỪ HÁN VIỆT BIỂU THỊ Ý NGHĨA THỜI GIAN
Sino-Vietnamese adverbs denote tense

ĐỖ PHƯƠNG LÂM

(ThS; Đại học Hải Phòng)

Abstract: The function of such words is just to indicate tense in Vietnamese. According to our statistics, in Vietnamese there are eleven adverbs of tense, including four Sino-Vietnamese, namely: *nguyên, hiện, đương, chuẩn bị*. The article focuses on describing the grammatical and semantic characteristics of those 4 Sino-Vietnamese adverbs in comparison with the other Vietnamese adverbs in use.

Keywords: Function words ; Sino-Vietnamese adverds.

1. Khác với các ngôn ngữ biến hình, để biểu thị ý nghĩa thời của động từ, tiếng Việt hoàn toàn phụ thuộc vào phương thức hư từ: phó từ thời gian. Theo thống kê của chúng tôi, tiếng Việt có 11 phó từ thời gian, trong đó có 4 phó từ Hán Việt, đó là: *nguyên, hiện, đương, chuẩn bị*. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung miêu tả những đặc trưng về ngữ pháp, ngữ nghĩa và đặc điểm sử dụng của các phó từ thời gian Hán Việt trong sự so sánh với các phó từ thời gian khác của tiếng Việt.

2. Phó từ *nguyên*

a. *Nguyên* dùng để biểu thị thời gian trong quá khứ. Phó từ *nguyên* có đặc điểm dẫn về cái gốc ban đầu của sự vật, sự việc, về cái vốn đĩ. Vì thế, một đặc trưng cơ bản của câu có phó từ *nguyên* là luôn có ít nhất hai vị từ có tính so sánh, có tính khác biệt hoặc đối lập nhau về tính chất, đặc điểm, nguồn gốc của một người hoặc sự vật, sự việc nào đó. Vị từ đứng sau bao giờ cũng là vị từ biểu thị sự biến đổi và khác biệt so với vị từ có *nguyên* đi kèm. Công thức tổng quát:

Chủ ngữ + *nguyên* + vị từ quá khứ + vị từ hiện tại

Ví dụ:

(1) *Bà ta **nguyên** xuất thân từ một nhà nghèo, nhưng biết tính toán nên trở thành người giàu có trong nghề kinh doanh.* (dẫn theo 4, tr.181)

(2) *Ông Đáclơ **nguyên** bán cháo, trước là quan cai trị tỉnh, bị lên án là ăn hối lộ, là cường hào và đã gây ra cuộc nổi dậy đẫm máu ở Thái Nguyên, đã được chính phủ thuộc địa cử vào Hội đồng thành phố Sài Gòn.* (3, tập 1, tr. 187)

Trong các ví dụ (1), (2), *nguyên* góp phần làm nên sự đối lập giữa các cặp vị từ: xuất thân nhà nghèo ≻≺ trở thành người giàu có; bán cháo (hèn mạt) ≻≺ (có chân trong) "*Hội đồng thành phố Sài Gòn*".

b. ***N**guyên* thường đứng trước liền kề vị từ chỉ hoạt động hoặc trạng thái, như trong các kết hợp "*nguyên xuất thân*", "*nguyên bán cháo*" ở ví dụ (1), (2): ***nguyên** + **vị từ***. Nhưng cũng có nhiều khi *nguyên* được đẩy lên đầu câu hoặc đứng trước chủ từ: ***nguyên** + **chủ từ** + **vị từ***. Thậm chí, *nguyên* có thể đứng trước cả trạng ngữ chỉ thời gian như trong ví dụ dưới đây:

(3) *Tháp rùa giữa Hồ Hoàn Kiếm là hình ảnh quá quen thuộc với người Việt Nam nhưng chắc không nhiều người biết rằng **nguyên** tòa tháp* (chủ ngữ) *này được xây lên với chức năng như một ngôi mộ.* (Báo *Tầm nhìn*)

(4) ***Nguyên** một hôm* (trạng ngữ thời gian) *xem tờ báo của ông hàng xóm thấy có bài của anh, tôi đoán anh làm tuyên truyền ở tỉnh này.* (Nam Cao, *Đôi mắt*)

(5) ***Nguyên** người* (chủ ngữ) *quanh quất đâu xa(...)* (Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

c. Kết hợp với vị từ quan hệ *là*, làm thành cấu trúc ***nguyên là..., nguyên ... là ...***

Ví dụ:

(6) - *Nói gọn lại, chúng tôi sẽ làm lại ở đây tất cả những gì mà những kẻ **nguyên là** bề trên của chúng tôi đã làm trên đất nước chúng tôi, cho chúng tôi hoá ra là người Pháp.* (3, tập 1, tr. 135)

Cũng có khi *nguyên* và *là* nằm tách bạch và có các thành phần câu chen vào giữa*:*

(7) - ***Nguyên** xưa kia ở đây **là** đầm lầy.* (dẫn theo 8, tr. 693)

d. Ngoài ra, *nguyên* còn hoạt động như là một yếu tố cấu tạo từ (*nguyên* ~), thường đứng trước các danh từ chỉ chức danh: *nguyên lãnh đạo, nguyên tổng bí thư, nguyên chủ tịch thành phố,* v.v. hoặc các từ ghép: *nguyên quán, nguyên văn, nguyên tác,* v.v.

3. Phó từ thời gian hiện tại: *hiện, đương*

a. Các phó từ *hiện, đương* đều diễn đạt thời gian hiện tại, biểu thị hành động diễn ra vào thời điểm đang nói.í dụ:

(8) - *Những người **hiện** có mặt ở đây.* (dẫn theo 8, tr. 437)

(9) - *Cải chửa ra cây cà mới nụ,*

*Bầu vừa rụng rốn mướp **đương** hoa.* (Nguyễn Khuyến, *Bạn đến chơi nhà*)

b. Sự khác biệt giữa hai phó từ này nằm ở chỗ: *hiện* biểu thị thời gian thời điểm còn *đương* biểu thị thời gian quá trình. Do vậy, *hiện* thường đòi hỏi sự đi kèm của các trạng ngữ thời gian ở trong câu. Nếu không có trạng ngữ thời gian, *hiện* thường đi kèm *đang* làm thành một phó từ ghép hỗn hợp Hán – Việt song tiết: *hiện đang*. Ví dụ:

(10) - *Tổ quốc ta **hiện đang** tạm bị chia cắt làm đôi.* (3, tập 11, tr. 61)

(11) - *Vấn đề **hiện đang** được nghiên cứu.* (dẫn theo 8, tr. 437)

Hoặc có khi *hiện ... đang ...* làm thành một kết cấu biểu thị thời gian hiện tại:

(12) - ***Hiện** ông **đang** ở cái cảnh bứt rứt khó chịu của một người thợ may vội việc ngồi trước một tuần chỉ rối không biết lần đường nào mà gỡ cho ra.* (Vũ Trọng Phụng, *Giông tố*)

c. *Đương* có ý nghĩa và chức năng ngữ pháp tương đương với từ *đang*. Tại vị trí của *đương* có thể thay thế *đang* mà không hề ảnh hưởng đến ý nghĩa của câu cũng như cảm giác về sắc thái ngữ nghĩa. Ví dụ:

(13) *Phú **đương/ đang** phải trong cảnh đau đớn tự giận mình.* (Vũ Trọng Phụng, *Vỡ đê*)

Đương và *đang* chỉ phân biệt nhau ở phạm vi sử dụng. Đương vốn có lịch sử hoạt động lâu dài trong tiếng Việt và nó dần bị biến thể ngữ âm của chính nó là *đang* lấn át và thay thế bắt đầu từ đầu thế kỉ XX. Khảo sát các văn bản chữ Nôm từ thế kỉ XV cho đến thế kỉ XVIII, chúng tôi không hề thấy phó từ *đang*. Trong các tác phẩm văn học đầu thế kỉ XX, cho đến văn chính luận của Hồ Chí Minh, phó từ *đương* vẫn còn được dùng rất phổ biến. Ví dụ:

(14) - *Nhưng trời gần sáng chàng còn **đương** mơ mộng, thì đã nghe tiếng Hoa gọi cuống cuồng lên.* (Nam Cao, *Cái chết của con mực*)

(15) - *Như thế là có tiến bộ nhưng **đương** còn ít.*

*Khối Bắc Đại Tây Dương thì ba bè bảy mảng, Khối Đông - Nam Á thì **đương** đi đến chỗ tan hoang...* (3, tập 11, tr. 338)

Bảng 1. So sánh tần suất hoạt động giữa *đang- đương*

Tác phẩm	đang	đương	tỉ lệ (%)
Một chữ tình (Hồ Biểu Chánh, 1923)	3	34	8.82
Nửa chừng xuân (Khái Hưng, 1934)	10	101	9.90
Vỡ đê (Vũ Trọng Phụng, 1936)	3	77	3.90
Tắt đèn (Ngô Tất Tố, 1937)	1	33	3.03
Bước đường cùng (Nguyễn Công Hoan, 1938)	21	27	77.78
Số đỏ (Vũ Trọng Phụng, 1938)	7	68	10.29
Giông tố (Vũ Trọng Phụng, 1939)	15	79	18.99
Hồ Chí Minh toàn tập (tập 10, 1960-1962)	229	7	3271.43
Điện Biên Phủ điểm hẹn lịch sử (Võ Nguyên Giáp, 1964)	167	0	tuyệt đối/0
Nỗi buồn chiến tranh (Bảo Ninh, 1987)	205	0	tuyệt đối/0

Bảng trên đây thống kê tần suất hoạt động của *đương* và *đang* trong 10 văn bản có độ dài từ 100 trang trở lên, thuộc thể loại văn học và chính luận, sắp xếp theo trình tự thời gian ra đời (1923-1987). Quan sát bảng cho thấy, trong các văn bản thuộc giai đoạn văn học 1930-1945, *đương* còn hoạt động với tần suất cao gấp nhiều lần *đang*. Sang đến giai đoạn 1960 trở về sau, *đang* đã thay thế *đương* và chiếm tỉ lệ gần như tuyệt đối.

Mặc dù, hiện nay, *đương* không còn hoạt động với tần suất cao như trước nữa, nhưng nó vẫn được ưa dùng trong phong cách chính luận, bình luận, trong các cách nói giả cổ, trong các văn bản văn chương nghệ thuật, v.v.

4. Phó từ thời gian tương lai: *chuẩn bị*

a. *Chuẩn bị* vốn là một thực từ (động từ) vay mượn từ tiếng Hán: "làm cho có sẵn cái cần thiết để làm việc gì" [8, tr. 181]. Trong quá trình hoạt động, một nét nghĩa (sắp xếp, đặt kế hoạch) của từ *chuẩn bị* đã bị hư hóa và tách ra khỏi từ gốc thành một *phó từ thời gian:* biểu thị tương lai gần. Tuy vậy trong các từ điển tiếng Việt và từ điển hư từ tiếng Việt hiện hành đều chưa có mục từ *chuẩn bị* với tư cách là phó từ.

b. Ranh giới giữa từ *chuẩn bị* là động từ và từ *chuẩn bị* là phó từ cũng khá mờ nhạt, khó phân biệt. So sánh:

(16) Là động từ: *Dường như đã* ***chuẩn bị*** *đón trước mọi sự cố có thể xảy ra nên khi nó xảy ra, tôi chỉ nhói đau một cái rồi trở lại bình thường.* (Nguyễn Minh Châu, *Sông xa*)

(17)– Là phó từ thời gian: - *À, đây là ban kinh tài tỉnh. Tôi là Tám Hòa, trưởng ban, cũng* ***chuẩn bị*** *cuốn đi nốt đây.* (Nguyễn Minh Châu, *Sông xa*)

Có thể rút ra một số đặc điểm để nhận diện và phân biệt như sau:

Trường hợp ***chuẩn bị*** *là động từ:* Có thể đứng sau các phó từ chỉ thời gian, như: *đã, sẽ, đang,* v.v.; Có thể kết hợp với danh từ hoặc với các động từ chỉ hoạt động, hành động.

Trường hợp ***chuẩn bị*** *là phó từ:* Đứng trước các động từ biểu thị sự vận động, biến đổi, như: *hóa thành, chuyển thành, biến thành,* v.v.; Không thể kết hợp với danh từ; Không thể cùng xuất hiện với các trạng ngữ chỉ thời gian ngắn, nhanh chóng, như: *chốc lát, chốc nữa, lát nữa, một lát, một lúc, khoảnh khắc, thoáng, vừa thoáng,* v.v.; Không đứng sau các giới từ chỉ mục đích, công cụ, phương tiện, như: *để, với, bằng, cùng,* v.v.; Không kết hợp với các bổ ngữ chỉ kết quả như: *được, rồi, xong,* v.v.

c. *Chuẩn bị* có ý nghĩa tương đương với các phó từ thuần Việt: *sắp, sắp sửa* nhưng khác với *sẽ*. *Chuẩn bị, sắp, sắp sửa* biểu thị ý nghĩa thời gian quá trình còn *sẽ* biểu thị ý nghĩa thời gian thời điểm. Chẳng hạn:

Có thể nói (18) : *Ngày mai tôi* ***sẽ*** *lên đường nhập ngũ.***(+)**

Nhưng không thể nói:

– Ngày mai tôi ***sắp*** *lên đường nhập ngũ.* **(×)**

– Ngày mai tôi ***sắp sửa*** *lên đường nhập ngũ.* **(×)**

– Ngày mai tôi ***chuẩn bị*** *lên đường nhập ngũ.* **(×)**

Chính là vì *sẽ* biểu thị một thời điểm được xác định ở phía trước, trong tương lai (*ngày mai*). Còn các phó từ *sắp, sắp sửa, chuẩn bị* diễn tả một hành động diễn ra và tiếp diễn trong tương lai nên không thể gắn với một mốc thời gian xác định (*chốc lát, chốc nữa, lát nữa, một lát, một lúc, khoảnh khắc, thoáng, vừa thoáng,* v.v.).

d. *Chuẩn bị* diễn đạt một hành động ở tương lai gần, một hành động tất yếu diễn ra. Dù không có yếu tố thời gian xác định đi kèm, nhưng câu có phó từ chuẩn bị luôn tồn tại một tiền giả định hoặc một ý nghĩa ngầm ẩn về thời tương lai. Nói: *Trời* ***chuẩn bị*** *mưa.* Tức là trời chắc sẽ mưa trong chốc lát. Một thì tương lai rất gần mà người nói đã có căn cứ để xác định. Chẳng hạn đó là những tín hiệu về thời tiết: mây đen, gió thổi, v.v. Do vậy, câu nói khi đã có phó từ *chuẩn bị* thì không cần phải có trạng ngữ chỉ thời gian gần nữa. Nếu nói: *trời sẽ mưa* thì mới chỉ là đoán định và ý nghĩa xác định về thời gian xảy ra mưa còn rất mơ hồ.

e. *Chuẩn bị* là phó từ chuyên dùng để biểu thị tương lai trong những câu miêu tả chuỗi hành động liền kề nhau. Trong trường hợp này, phó từ *chuẩn bị* luôn được dùng để biểu thị ý nghĩa thời gian sắp xảy đến của hành động diễn ra sau hoặc hành động là kết quả, hệ quả của hành động diễn ra trước, hành động là tiền đề. Ví dụ:

(19) *Và đêm nào cũng thế, vào lúc mấy cái bóng nọ* ***nhởm dậy*** (hành động tiền đề 1) *khỏi võng* ***rục rịch*** (hành động tiền đề 2) *với nhau ở ngoài suối* ***chuẩn bị lên đường*** (hành động hệ quả) *là Kiên lại một lần chợt tỉnh giấc.* (Bảo Ninh, *Nỗi buồn chiến tranh*)

Trong ví dụ trên, "*mấy cái bóng*" là chủ thể của chuỗi hành động: "*nhởm dậy*", "*rục rịch với nhau*", và "*lên đường*". Hành động sau cùng, chưa diễn ra được diễn tả bằng phó từ tương lai gần: ***chuẩn bị*** *lên đường.*

f. *Chuẩn bị* cũng thường được dùng để tường thuật lại thì tương lai trong quá khứ. Tức là, chuyên diễn đạt hành động xảy ra sau một hành động đã xảy ra trước đó. Ví dụ:

(20) - ***Sắp sửa*** *nghỉ, lúc ấy tôi* ***đứng*** (hành động trong quá khứ) *dưới đất, dé chân chèo, tôi* ***chuẩn bị dừng*** (hành động kế tiếp) *cưa thì "xoẹt" một cái, tay cưa chạm sát ngực tôi.* (NHT, *Những người thợ xẻ*)

Trong câu trên, chuỗi hành động: *nghỉ, đứng dưới đất, dé chân chèo* đều đã diễn ra và hành động *dừng cưa* chỉ là hành động kế tiếp và chưa hề diễn ra. Như vậy, so với các phó từ thuần Việt: *sắp, sắp sửa,* phó từ *chuẩn bị* còn diễn đạt thì tương lai gần hơn và cụ thể hơn.

g. Thông thường, trong những chuỗi hành động theo thứ tự trước – sau, thì các phó từ ***sắp, sắp sửa*** phụ cho hành động trước và ***chuẩn bị*** phụ cho hành động sau. Ngoài ra, *chuẩn bị* còn thường mang thêm ý nghĩa tình thái cầu khiến hoặc diễn đạt ý muốn chủ quan, nhận định chủ quan của người nói. Ví dụ:

(21) - ***Sắp*** *sáng rồi,* ***chuẩn bị*** *về đi. Thắng.* (Nguyễn Minh Châu, *Sông xa*)

Nếu thử hoán đổi vị trí của hai phó từ *sắp* và *chuẩn bị* thành:

- ***Chuẩn bị*** *sáng rồi,* ***sắp*** *về đi. Thắng.* **(×)**

thì có vẻ như vế thứ nhất vẫn ổn nhưng vế thứ hai thì đã không còn giữ được ý nghĩa cầu khiến trong nguyên văn nữa.

5. Căn cứ vào hệ thống phó từ thời gian của tiếng Việt, chúng tôi phân đoạn trục thời gian thành: *quá khứ - quá khứ gần – hiện tại* (tiếp diễn) – *tương lai gần – tương lai.* Sự phân bố của hư từ thời gian trên trục thời gian được thể hiện qua bảng.

Bảng 2. Hệ thống phó từ thời gian tiếng Việt

Phó từ thời gian	Quá khứ	Quá khứ gần	Hiện tại (tiếp diễn)	Tương lai gần	Tương lai
Hán Việt	***Nguyên***	*Zero*	***Hiện, đương***	***Chuẩn bị***	*Zero*
Thuần Việt	*Đã*	*Vừa mới*	*Đang*	*Sắp, sắp sửa*	*Sẽ*

Nhìn vào bảng trên, phó từ thời gian Hán Việt đảm nhiệm việc biểu thị các mốc thời gian: quá khứ, hiện tại và tương lai gần và không biểu thị các mốc: quá khứ gần và tương lai. Trong đó, *nguyên, đương, chuẩn bị* biểu thị ý nghĩa thời gian quá trình còn *hiện* biểu thị ý nghĩa thời gian thời điểm.

Phó từ thời gian Hán Việt không thể thay thế phó từ thuần Việt mà bổ sung, làm phong phú thêm các hình thức diễn đạt về ý nghĩa thời gian và các sắc thái biểu cảm ngữ nghĩa cho tiếng Việt.

Tài liệu tham khảo

1. Đinh Văn Đức (1986), *Ngữ pháp tiếng Việt* (từ loại). Nxb. Đại học và THCN, Hà Nội.

2. Đào Thanh Lan (2010), *Về từ loại phó từ trong tiếng Việt,* Đề tài NCKH cấp ĐHQG.

3. Hồ Chí Minh toàn tập (2000), tập 1-12, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, H.

4. Hoàng Trọng Phiến (2008), *Từ điển giải thích hư từ tiếng Việt,* NXB. Tri thức.

5. Nguyễn Anh Quế (1988), *Hư từ trong tiếng Việt hiện đại*, NXB. Khoa học xã hội.

6. Nguyễn Kim Thản (1997), *Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt,* NXB. Giáo dục, Hà Nội.

7. Uỷ ban khoa học xã hội (1983), *Ngữ pháp tiếng Việt,* NXB. KHXH, Hà Nội.

8. Viện ngôn ngữ học (2003), *Từ điển tiếng Việt,* NXB. Đà Nẵng, Trung tâm Từ điển học.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 15-08-2013)